

Số: 26/BC-MNNT

Đồng Thịnh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Nghĩa Thịnh

2. Địa chỉ trụ sở: Thôn Hải Sơn, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu: Cơ sở giáo dục công lập – Ủy ban nhân dân xã Đồng Thịnh

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

*** Sứ mệnh:**

Sứ mệnh của Mầm non Nghĩa Thịnh là xây dựng môi trường học tập, rèn luyện “Hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”. Trẻ em được: “Học tập sáng tạo- Rèn luyện chăm ngoan - Vui chơi lành mạnh”. Phát triển theo phương châm “Học bằng chơi, chơi mà học” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh, lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những người công dân tốt..

*** Tầm nhìn**

Trường Mầm non Nghĩa Thịnh xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ trẻ luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến. Xây dựng hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia mức độ II bền vững về chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất cũng như kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò, ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức, nhân cách một cách toàn diện.

*** Mục tiêu**

- Trẻ phát huy tính tự lập và tự học;
- Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân;
- Trẻ hình thành tính tự kỉ luật cho bản thân;
- Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh;
- Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công.;
- Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Nghĩa Thịnh được xây dựng thành một khu tập trung và đưa vào sử dụng từ năm học 2012-2013, trường có đủ phòng học và các phòng chức năng theo quy định và được công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ II vào tháng 7/2017; trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 năm 2014, đạt tiêu chuẩn chuẩn xanh-sạch-đẹp-an toàn năm 2017. Năm 2021 nhà trường được các cấp lãnh đạo địa phương đầu tư cơ sở 2 với 6 phòng học và 6 phòng chức năng đưa vào sử dụng tháng 12/2021. Tổng diện tích cả 2 khu là 10.514m². Trường được xây dựng quy mô theo chuẩn Quốc gia mức độ II, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hệ thống tường bao, cổng trường đảm bảo an toàn, chắc chắn. Sân chơi, vườn trường rộng rãi, thoáng mát, có nhiều cây xanh và cây bóng mát được quy hoạch, xây dựng theo các tiêu chí trường mầm non “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn”; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Nhà trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đáp ứng các tiêu chí về chất lượng giáo dục toàn diện và không ngừng đổi mới phương pháp giáo dục để phát huy khả năng tư duy sáng tạo của trẻ. Luôn giữ vững, là một trong năm đơn vị đứng trong đầu ngành học mầm non trong huyện Nghĩa Hưng; được tặng cờ thi đua xuất sắc, của UBND tỉnh, của thủ tướng chính phủ.

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Trương Thị Mai Duyên

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Nghĩa Thịnh Số điện thoại: 0947887159

Địa chỉ gmail: maiduyennghiathinh@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

CBQL: 3 người gồm: 1 Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng

Tổ chuyên môn gồm Tổ mẫu giáo; Tổ nhà trẻ; Tổ nuôi dưỡng và tổ văn phòng

II. THU CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của Trường Mầm non Nghĩa Thịnh năm 2025

a. Các khoản thu

- Ngân sách nhà nước: 6.354.277.000đ

Tiền thưởng: 308.220.000đ

b. Các khoản chi thường xuyên

- Tiền lương của CBGVNV (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho CBQL, GV, NV): 31 người.

Số tiền: 5.814.579.900 đ

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua khen thưởng): không có

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

+ Kinh phí cấp bù năm 2025: 211.200.000đ

Hỗ trợ tiền ăn trưa năm 2025: 5.760.000đ

Hỗ trợ tiền chi phí học tập năm học: 0 đ

3. Số dư quỹ theo quy định, cả quỹ đặc thù (nếu có)

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39			26	7	0	4	0	28	3
I	Cán bộ quản lý	3			3					1	2
1	Hiệu trưởng	1			1						1
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1
II	Giáo viên	28			22	6			0	27	1
1	Nhà trẻ	9			6	3			0	9	0
2	Mẫu giáo	19			16	3				18	1
III	Nhân viên	8			1	1		4			
	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	1			1						
1	Văn thư										
2	Kế toán	1			1						

3	Thủ quỹ	0								
4	Thư viện	0								
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		7				1	4			
1	Y tế									
2	Nhân viên Bảo vệ	2								
3	Nhân viên Phục vụ									
4	Nhân viên Nấu ăn	5				1	4			

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	31	28	3		
I	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	28	25	3		
1	Nhà trẻ	9	7	2		
2	Mẫu giáo	19	18	1		
Tổng cộng		31	28	3		
Tỷ lệ %			90,3%	9,7%		

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	31	31	
I	Cán bộ quản lý	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	
II	Giáo viên	28	28	
1	Nhà trẻ	9	9	
2	Mẫu giáo	19	19	
Tổng cộng		31	31	
Tỷ lệ %		100	100	

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối

thiếu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích xây dựng trường 10.514m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 35,04 m²/trẻ em

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
35,04 m ² /trẻ em	12m ² /trẻ	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	21 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Văn phòng trường	65 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng cho nhân viên	16 m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	16m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	Đạt
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	150 m ²	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và			

	giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	45 m ²		
	Khu sinh hoạt chung	1.875 m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt
	Khu ngủ	1.875 m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt
	Diện tích sân chơi (m ²)	0,50m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Kho nhóm, lớp	6,4m ²	6m ²	Đạt
2	Sân chơi riêng	10,33 m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	Tổng 200m ²	0,3m ² /trẻ	Đạt
	Kho thực phẩm	23m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phụ trợ			

c. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

TT	Tên TB/ĐDDC	Hiện có	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14 bộ	14	Đạt
1	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10 bộ		Đạt
	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	16 bộ		Đạt

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch giáo dục của nhà trường

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	313	0	15	68	67	64	99
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	313	0	15	68	67	64	99

4	Số TE khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	313	0	15	68	67	64	99
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	313	0	15	68	67	64	99
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	313	0	15	68	67	64	99
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1.	Số trẻ cân nặng bình thường	311	0	15	68	67	64	99
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2						2
3	Số trẻ có chiều cao BT.	313	0	15	68	67	64	99
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0						
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	313	0	15	68	67	64	99
1	Chương trình GD nhà trẻ	83	0	15	68			
2	Chương trình GD mẫu giáo	230				67	64	99

2. Kiểm định chất lượng giáo dục

* Quyết định công nhận

STT	Đạt chuẩn	Quyết định công nhận	Năm được công nhận	Được công nhận đạt chuẩn mức độ	Năm đề nghị công nhận lại	Mức độ
1	Chuẩn quốc gia mức độ 1	Số 1793/QĐ-UBND ngày 14/11/2012	2012	Mức I		
2	Chuẩn quốc gia mức độ 2	Số 1618/QĐ-UBND ngày 19/07/2017	2017	Mức II	2026	Mức II
4	Chuẩn X-S-Đ		2017		2026	
5	Chất lượng GD	Số 96/SGDDT ngày 29/04/2014	2014	Cấp độ 3	2026	Cấp độ 3

* Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng

sau tự đánh giá

Trường tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng mức 3

Năm học nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng duy trì Chất lượng giáo dục cấp độ 3

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Đẩy mạnh phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, tâm huyết, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

Thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng theo nhu cầu vị trí việc làm; tạo điều kiện để giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực ứng dụng công nghệ số.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình, giải pháp giáo dục hiệu quả.

Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp gắn với việc xây dựng kế hoạch phát triển năng lực cá nhân.

Khuyến khích giáo viên tham gia các hội thi, các lớp tập huấn chuyên môn, nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai hiệu quả các phần mềm quản lý nhà trường, quản lý trẻ, quản lý đội ngũ, tài chính, tài sản và công tác bán trú theo quy định.

Đẩy mạnh sử dụng hồ sơ điện tử, chữ ký số, văn bản điện tử trong quản lý, điều hành; từng bước giảm sử dụng hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế bài giảng điện tử, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ mầm non.

Tăng cường khai thác kho học liệu số, tài nguyên giáo dục mở; xây dựng và phát triển ngân hàng học liệu dùng chung của nhà trường.

Nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng quản trị nhà trường và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục

Chủ động xây dựng kế hoạch truyền thông, kịp thời tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ trọng tâm

của ngành giáo dục và của nhà trường.

Tăng cường truyền thông về kết quả thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng trường học hạnh phúc, an toàn và thân thiện.

Phát huy hiệu quả website, facebook, nhóm Zalo của nhà trường và các lớp trong việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời đến cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số, các mô hình giáo dục đổi mới sáng tạo, gương người tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến trong nhà trường.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm huy động sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động giáo dục trẻ; tạo sự đồng thuận, chia sẻ và ủng hộ đối với các hoạt động của nhà trường.

Thực hiện tốt công tác truyền thông phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm và các kỹ năng bảo vệ trẻ em.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của Trường Mầm non Nghĩa Thịnh./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Trương Thị Mai Duyên